

# BÀN VỀ CÁCH THỨC VẬN DỤNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ CHO CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

## DISCUSSING HOW TO APPLY INTERNATIONAL FINANCIAL REPORTING STANDARDS FOR GROUPS OF ENTERPRISES IN VIETNAM

Ngày nhận bài : 23.12.2021

ThS. Nguyễn Thị Mai Loan - ThS. Phạm Thị Quyên

Ngày nhận kết quả phân biện : 30.3.2022

Trường Đại học Tài chính - Kế toán

Ngày duyệt đăng : 28.4.2022

### TÓM TẮT

*Việc vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đã được rất nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện, tuy nhiên mỗi nước có những phương hướng, cách thức triển khai áp dụng khác nhau tùy vào từng điều kiện và bối cảnh kinh tế mỗi nước. Việt Nam sẽ chính thức áp dụng hệ thống chuẩn mực quốc tế này từ năm 2022, do đó việc xem xét và phân tích cách thức vận dụng mà Bộ Tài chính (BTC) đưa ra có phù hợp và hiệu quả với các doanh nghiệp trong tình hình kinh tế đất nước hiện tại và trong tương lai sắp tới là thực sự cần thiết.*

**Từ khóa:** Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, doanh nghiệp.

### ABSTRACT

*The International Financial Reporting Standards (IFRS) have been implemented by many countries in the world. Based on economic situations and contexts, each country has different ways of application. From 2022, Vietnam formally adopts IFRS; accordingly, it is necessary to examine whether the roadmap for IFRS application approved by the Ministry of Finance is suitable for enterprises in current and future economic conditions.*

**Keywords:** International Financial Reporting Standards, enterprises.

### 1. Đặt vấn đề

Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/03/2020 của BTC phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính (BCTC) tại Việt Nam được xem như là tuyên bố chính thức của Việt Nam trong việc ủng hộ chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) là một ngôn ngữ kế toán toàn cầu, đồng thời đưa Việt Nam vào bản đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ có áp dụng nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp (DN) Việt Nam trên thị trường vốn quốc tế. Qua nghiên cứu đề án, có thể nhận thấy đề án đưa ra 2 cách thức vận dụng IFRS tương ứng với mỗi nhóm đối tượng DN Việt Nam như sau:

- *Cách thức vận dụng toàn bộ IFRS:* Vận dụng hoàn toàn và đầy đủ IFRS (không có điều chỉnh nào) đối với nhóm các công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ niêm yết, các công ty đại chúng quy mô lớn và các công ty có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 100%.

- *Cách thức vận dụng IFRS theo hướng tiệm cận:* Vận dụng bộ chuẩn mực BCTC riêng do BTC xây dựng (VFRS) dựa theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế trong IFRS nhưng có điều chỉnh phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam dành cho nhóm các DN không bắt buộc áp dụng toàn bộ IFRS và không phải là DN siêu nhỏ.

Với mỗi phương án vận dụng, đề án đều đưa ra lộ trình áp dụng cụ thể cho các giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn áp dụng tự nguyện và giai đoạn áp dụng bắt buộc. Tuy nhiên sau khi đề án được phê duyệt,

có nhiều vướng mắc được đưa ra xung quanh 2 cách thức vận dụng IFRS của đề án:

*Liệu mỗi cách thức vận dụng có phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng DN không?*

*Việc vận dụng đem lại lợi ích hay gây tổn kém chi phí nhiều hơn?*

*Có những thuận lợi hay khó khăn gì trong quá trình triển khai mỗi cách thức vận dụng?*

Trong nghiên cứu này, tác giả đi sâu vào phân tích các cách thức vận dụng chuẩn mực BCTC của đề án với mong muốn giúp các DN tháo gỡ những vướng mắc trên, đồng thời nghiên cứu sẽ là một nguồn tư liệu tham khảo bổ ích và giá trị, giúp các DN chủ động và sẵn sàng hơn theo lộ trình vận dụng của đề án.

## **2. Cách thức vận dụng toàn bộ IFRS**

### **2.1. Sự phù hợp với nhu cầu đối tượng áp dụng**

Tại Việt Nam, thời điểm chưa thông qua đề án vận dụng IFRS nhưng đã có một số DN niêm yết và các công ty vốn đầu tư nước ngoài 100% đã tự triển khai áp dụng hoàn toàn IFRS nhằm đáp ứng nhu cầu về báo cáo, đầu tư và kinh doanh. Hơn nữa, hiện nay một số tập đoàn lớn ở nước ta đang có nhu cầu phát hành trái phiếu hoặc dự kiến niêm yết trên sàn giao dịch quốc tế thì việc trình bày thông tin BCTC theo chuẩn quốc tế là điều kiện bắt buộc.

Đồng thời theo kết quả công bố từ báo cáo khảo sát của Deloitte năm 2020 với hơn 500 DN tham gia khảo sát đến từ các loại hình DN khác nhau, chính nhóm những DN thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng toàn bộ IFRS quy định trong đề án của BTC là những đơn vị có mối quan tâm và nhu cầu áp dụng IFRS trong việc lập và trình bày BCTC cao nhất, trong đó nhu cầu lớn nhất đến từ các công ty có vốn đầu tư nước ngoài (34%), các công ty niêm yết (20%) và các công ty đại chúng quy mô lớn (14%). Điều này cũng dễ hiểu bởi nhóm các DN trên là những DN đóng góp nhiều vào sự phát triển kinh tế chung của cả nước, họ quan tâm đến việc thay đổi cách ghi nhận kế toán trong những năm tới rất lớn, bởi những quy định kế toán mới sẽ tác động trực tiếp đến các chỉ số tài chính, từ đó tác động đến tình hình kinh doanh trong tương lai. Hơn nữa, đây cũng chính là những loại hình DN thuộc diện bắt buộc áp dụng đầy đủ IFRS ở nhiều nước trên thế giới.

Như vậy, kết quả trên đã cho thấy cách thức vận dụng toàn bộ IFRS là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của nhóm đối tượng DN áp dụng.

### **2.2. Lợi ích đạt được và chi phí bỏ ra**

#### **- Lợi ích đạt được:**

Lợi ích tiềm năng nhất mang đến cho DN khi lựa chọn áp dụng toàn bộ IFRS đã được chứng minh rõ rệt thông qua hoạt động huy động vốn quốc tế trên thị trường chứng khoán (TTCK) ở nhiều nước trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Nhờ áp dụng IFRS, BCTC được nâng cao tính minh bạch và tính so sánh, nhờ đó đã đem lại tầm vé thông hành cho các DN tiếp cận với dòng vốn xuyên biên giới. Tại Việt Nam, có thể kể đến một số thương vụ huy động vốn nổi trội nhờ vào việc áp dụng thành công IFRS như việc Techcombank bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng vào năm 2018 đã thu hút hơn 150 quỹ đầu tư nước ngoài, huy động được gần 922 triệu USD, nâng mức vốn hóa của DN lên 6,5 tỷ USD; hoặc tập đoàn Vingroup đã lần lượt nhận được các khoản đầu tư lớn từ các nhà đầu tư quốc tế với 650 triệu USD vào Vinhomes và 203 triệu USD vào Vinmec trong năm 2020 dù nền kinh tế toàn cầu đang chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Gần đây nhất, trong 6 tháng đầu năm 2021, TTCK Việt Nam trở thành thị trường tăng trưởng mạnh thứ 2 thế giới, khi phần lớn các DN thu hút lượng vốn lớn nhất từ các nhà đầu tư ngoại hầu như đã chuyển đổi cách trình bày BCTC sang IFRS hoàn toàn.

Một lợi ích nữa khi DN áp dụng toàn bộ IFRS là giúp nâng cao uy tín và giá trị DN trên thị trường quốc tế, tăng vị thế cho DN trong các hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài như đầu tư vào công ty con, tìm kiếm đối tác, các hợp đồng đầu tư liên doanh nhằm góp phần tìm kiếm lĩnh vực đầu tư mới đầy tiềm năng, nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN với một vị thế là DN toàn cầu.

Một tác động tích cực từ việc áp dụng toàn bộ IFRS không thể không nói đến đó là tạo động lực cho sự cải tổ của DN ngày một tốt hơn, bởi lẽ các chuẩn mực của IFRS đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ các quy trình quản trị nội bộ với các thông tin tài chính được lập. Các thông tin tài chính có tác động phản biện lại tính hiệu quả của quy trình nội bộ, từ đó tạo ra các thay đổi tích cực bên trong nội tại DN.

**- Chi phí bỏ ra:**

Bên cạnh những lợi ích kể trên thì những chi phí DN bỏ ra để thực hiện công cuộc chuyển đổi áp dụng toàn bộ IFRS không phải là con số nhỏ. Khi chuyển đổi BCTC, việc đảm bảo số dư so sánh và số dư đầu kỳ tuân thủ đúng IFRS là thao tác khó khăn nhất mà DN cần tốn kém chi phí thuê các đơn vị tư vấn đã có kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng về IFRS để hỗ trợ thực hiện. Thêm vào đó, các chi phí về tuyển dụng, đào tạo đội ngũ kế toán có đủ năng lực theo “tiêu chuẩn mới” cũng là khoản DN không thể tránh khỏi. Đồng thời, một khoản chi phí khá tốn kém mà có lẽ các DN triển khai áp dụng IFRS khó tránh khỏi đó là chi phí nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin kế toán vì phần mềm kế toán hiện tại của DN không cung cấp đủ các thông tin cần thiết theo yêu cầu của IFRS. Do đó, nhiều DN thường choáng ngợp trước các chi phí phải bỏ ra nên dẫn đến sự chậm trễ hơn một số DN khác trong việc áp dụng hoàn toàn IFRS.

Nhưng kết quả khảo sát các DN thuộc nhóm bắt buộc áp dụng IFRS theo đề án của BTC năm 2020 từ Deloitte cho thấy tỷ lệ DN gặp trở ngại về chi phí chuyển đổi chỉ chiếm 10%, đứng vị trí cuối cùng trong các trở ngại lớn nhất của DN khi trì hoãn kế hoạch áp dụng IFRS tại thời điểm khảo sát. Điều này cho thấy, chi phí chuyển đổi BCTC từ VAS sang áp dụng toàn bộ IFRS chưa phải là trở ngại hàng đầu đối với nhóm đối tượng DN này. Chẳng hạn như thương vụ huy động 922 triệu USD của Techcombank với số chi phí chuyển đổi sang IFRS chỉ tốn 2 triệu USD. Qua đó, có thể thấy rằng các chi phí DN bỏ ra trước mắt cho việc triển khai áp dụng toàn bộ IFRS tuy rằng không nhỏ nhưng sẽ được bù đắp lại bởi những lợi ích tiềm năng mà nó mang lại.

**2.3. Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai**

**- Thuận lợi:**

+ Các DN Việt Nam tuy tham gia sân chơi thế giới muộn hơn nhưng lại có thể học hỏi được kinh nghiệm triển khai áp dụng toàn bộ IFRS của các nước đã áp dụng trước, tránh phải những sai lầm không đáng có, từ đó tiết kiệm phần nào chi phí triển khai.

+ Việc áp dụng nguyên mẫu IFRS mà không hề có bất cứ điều chỉnh nào giúp Chính phủ Việt Nam tiết kiệm đáng kể chi phí và thời gian soạn thảo chuẩn mực, từ đó tập trung hơn vào việc xây dựng cơ chế chính sách thuận lợi nhằm hỗ trợ DN trong quá trình chuyển đổi.

**- Khó khăn:**

+ Hạn chế về ngoại ngữ là khó khăn đầu tiên cho các DN Việt Nam nắm bắt đầy đủ và đúng bản chất nội dung của IFRS, nhất là khi các nội dung và chỉ tiêu trong IFRS thay đổi khá thường xuyên sẽ gây trở ngại cho DN hiểu rõ các thuật ngữ và cập nhật tin tức về IFRS.

+ Sự khác biệt và mức độ phức tạp của IFRS so với VAS là thách thức lớn nhất trong quá trình chuyển đổi từ VAS sang IFRS. IFRS thiên về đánh giá chủ quan, trong khi VAS thiết lập trên cơ sở luật định, do đó dẫn đến những khác biệt rõ rệt trong việc tuân thủ và ghi nhận kế toán. Chẳng hạn vụ việc khi Vietnam Airlines áp dụng IFRS 16 về thuê Tài sản đã kiến nghị cơ quan quản lý điều chỉnh

chính sách tài chính đồng bộ với IFRS vì gần 60% tài sản của Vietnam Airlines là tài sản thuê hoạt động, khi áp dụng IFRS 16 làm cho tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của đơn vị này vượt lên 2,5 lần so với tỷ lệ hiện tại, do các tài sản thuê này phải ghi vào các khoản nợ của DN. Hoặc việc định giá tài sản và nợ theo giá trị hợp lý theo tinh thần của IFRS cũng là một sự khác biệt lớn so với VAS mà các DN Việt Nam khi áp dụng IFRS phải đối mặt, nhất là khi nền kinh tế Việt Nam còn non yếu, đội ngũ chuyên gia thẩm định giá chuyên nghiệp còn hạn chế.

+ Hạn chế về năng lực nắm bắt IFRS của đội ngũ kế toán tại các DN cũng là một khó khăn ban đầu trong tiến trình áp dụng IFRS. Hơn nữa, không phải lãnh đạo DN nào cũng sẵn sàng đáp ứng chi phí và thời gian để đào tạo cho kế 1 thời điểm chuyển giao. Do đó, với phương án vận dụng IFRS này sẽ giúp các DN Việt Nam thuộc nhóm đối tượng áp dụng có được sự thuận lợi khi chuyển sang áp dụng hoàn toàn IFRS trong tương lai - là xu hướng chung của toàn thế giới. Hơn nữa, theo thực tế vận dụng cách thức này tại nhiều quốc gia trên thế giới và khu vực cũng đã minh chứng rằng một khi mức độ tiệm cận của hệ thống chuẩn mực BCTC riêng với hệ thống chuẩn mực IFRS đạt mức cao thì BCTC của các DN sẽ được nâng tầm và có giá trị cao hơn trong mắt nhà đầu tư quốc tế, từ đó có thể thu hút được lượng vốn ngoại rót vào DN giúp gia tăng quy mô kinh doanh và tăng trưởng lợi nhuận. Đó là những lợi ích trong tương lai mà có thể nhìn thấy được ở hiện tại cho các DN Việt Nam trong nhóm đối tượng áp dụng cách thức này nếu thực hiện tốt theo lộ trình tiệm cận IFRS của BTC.

**- Chi phí bỏ ra:**

Xét về mặt chi phí triển khai cách thức vận dụng này, đối tượng gánh chịu phần lớn chi phí cho tiến trình triển khai thực hiện là Chính phủ chứ không phải các DN, cụ thể là chi phí biên soạn VFRS, và quan trọng là chi phí chỉnh sửa cập nhật nhiều lần trong suốt lộ trình triển khai mỗi khi IFRS có sự thay đổi để VFRS không bị lạc hậu và ngày một hội tụ IFRS. Về phía DN, DN sẽ có thể phát sinh chi phí tập huấn cho đội ngũ kế toán và một số chi phí nhằm cải tổ lại nội bộ DN cho phù hợp với yêu cầu của chuẩn mực kế toán mới. Kinh nghiệm áp dụng IFRS theo hướng tiệm cận ở rất nhiều quốc gia trên thế giới cũng đã cho thấy chi phí để triển khai tại các DN là không quá lớn, bởi lẽ việc chuyển đổi mang tính chất từng bước, không đột ngột nên DN có đủ thời gian và chi phí để triển khai vận dụng.

Như vậy xét dưới góc độ DN thuộc đối tượng áp dụng VFRS, tác giả nhận định lợi ích đem lại cho nhóm DN này khi áp dụng VFRS là tương xứng với chi phí họ phải bỏ ra.

**3.3. Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai:**

**- Thuận lợi:**

+ Thông tư 200/2014/TT-BTC do BTC ban hành theo chiều hướng hội nhập với chuẩn mực kế toán quốc tế cùng với những điểm mới của Luật Kế toán ban hành năm 2015 như khái niệm giá trị hợp lý đã tạo ra những tiền đề nhận thức ban đầu cho các DN Việt Nam về IFRS, phần nào tránh phải những ngỡ ngàng khi chuyển sang áp dụng bộ chuẩn mực mới VFRS.

+ VFRS được biên soạn hoàn toàn bằng tiếng Việt, do đó không gây trở ngại về ngôn ngữ như những DN áp dụng toàn bộ IFRS được biên soạn bằng tiếng Anh, giúp hiểu rõ và đúng bản chất các khái niệm, thuật ngữ và nội dung hướng dẫn.

+ VFRS như một phiên bản nâng cao của bộ chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại (VAS), do đó không đòi hỏi nền tảng hạ tầng kế toán cao, phù hợp với tình trạng kế toán hiện tại của nước ta, ít gây xáo trộn hoặc tranh luận trong thời gian đầu áp dụng, không tạo áp lực lớn cho đội ngũ lãnh đạo và đội ngũ kế toán trong DN.

+ Các DN không tốn kém nhiều chi phí cho việc áp dụng VFRS nên sẽ không rơi vào động thái e dè mà sẵn sàng hơn cho việc triển khai.

**- Khó khăn:**

+ Khó khăn đầu tiên đến từ việc biên soạn các nội dung của VFRS vừa phải đảm bảo theo tinh thần quốc tế mà vẫn phù hợp đặc thù và hạ tầng kế toán quốc gia. Trong khi tinh thần chung của chuẩn mực quốc tế là ghi nhận theo hướng đánh giá chủ quan thì VAS lại ghi nhận theo hướng tuân theo luật lệ. Do đó việc hòa nhập hai cách thức ghi nhận kế toán trên vào cùng một bộ chuẩn mực là điều không hề đơn giản.

+ Chi phí tốn kém từ việc biên soạn và chỉnh sửa cập nhật dần các chuẩn mực trong suốt lộ trình “tiệm cận” dài hơi cũng là một khó khăn đặt ra cho Chính phủ.

+ Rủi ro VFRS không đồng bộ và lạc hậu so với IFRS nếu không cập nhật kịp các thay đổi của IFRS cũng là một thách thức mà nước ta phải đối mặt.

**4. Một số khuyến nghị**

Tác giả cho rằng định hướng của BTC về việc triển khai 2 cách thức áp dụng IFRS cho 2 nhóm đối tượng DN với các quy mô và loại hình hoạt động khác nhau như theo đề án là hoàn toàn hợp lý trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay. Chế độ kế toán Việt Nam hiện nay vẫn chưa tiệm cận với môi trường kế toán quốc tế, do đó tiến trình áp dụng IFRS là bước đi dài và hết sức khó khăn đối với cả Chính phủ và DN Việt Nam. Vì vậy, trên cơ sở những phân tích trên, tác giả xin đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các DN sớm tháo gỡ những khó khăn khi thời gian bắt buộc áp dụng IFRS và VFRS đang đến gần.

**- Về phía Chính phủ:**

+ Phối hợp với các cơ quan ban ngành ban hành các hành lang pháp lý thống nhất và rõ ràng về kế toán, thuế, hải quan, nông nghiệp, xây dựng thị trường giá tương thích với yêu cầu của IFRS. Đặc biệt là xây dựng các cấp độ đánh giá giá trị hợp lý tiến tới hoàn toàn theo giá thị trường, xây dựng các khuôn khổ pháp lý chặt chẽ đối với công ty và cán bộ chuyên trách về định giá.

+ Lựa chọn đội ngũ biên soạn VFRS phải có năng lực nhận định và đánh giá xác định nội dung kế thừa VAS, nội dung tiếp thu theo IFRS để đảm bảo sự hòa hợp và giúp DN có thể tiếp cận dần dần tinh thần của IFRS mà không gặp quá nhiều trở ngại.

+ Sau khi ban hành VFRS, triển khai các hoạt động tập huấn, phổ biến VFRS rộng khắp và thường xuyên trên cả nước. Vì các DN thuộc đối tượng áp dụng VFRS chiếm phần lớn trong tổng số các DN tại Việt Nam, hơn nữa năng lực đội ngũ kế toán của các DN này còn khá mới mẻ với các thông lệ kế toán quốc tế, nên họ cần được chú trọng đào tạo tập huấn về cách vận dụng VFRS hiệu quả và đúng đắn tại DN.

+ Thường xuyên tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm và lắng nghe các khó khăn của DN, từ đó có những biện pháp tháo gỡ kịp thời trước thời điểm bắt buộc áp dụng IFRS và VFRS vào năm 2025.

**- Về phía doanh nghiệp:**

+ Cấp lãnh đạo trong DN phải nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc áp dụng IFRS hoặc VFRS, từ đó có những giải pháp hỗ trợ công tác triển khai áp dụng IFRS hoặc VFRS được thuận lợi và nhanh chóng hơn.

+ Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực sẵn sàng về chi phí và nhân lực phù hợp với thực trạng của DN, tránh những sự cố đáng tiếc phát sinh làm ảnh hưởng đến kế hoạch áp dụng IFRS. DN có thể lựa chọn phương án phối hợp với các công ty kiểm toán hoặc tổ chức tư vấn trong và ngoài nước để tham mưu và tập huấn nâng cao nghiệp vụ và kỹ thuật lập BCTC theo IFRS cho đội ngũ nhân lực của đơn vị trong thời gian đầu áp dụng IFRS, sau đó chính đội ngũ này sẽ là các nhân tố chính chủ động triển khai và thực hiện hoàn toàn.

+ Để giải quyết bài toán về cải tổ hệ thống và quy trình nội bộ đáp ứng được nhu cầu thông tin cho việc lập BCTC theo IFRS, DN có thể lựa chọn phần mềm ERP (hệ thống quản trị hoạch định nguồn lực) từ các đơn vị cung cấp uy tín trong nước hoặc quốc tế làm công cụ hỗ trợ đắc lực cho công cuộc áp dụng IFRS.

### **- Về phía các cơ sở giáo dục:**

Các cơ sở giáo dục đào tạo trong nước và quốc tế, đặc biệt là các Trường Đại học lớn trong nước cần xây dựng chương trình đào tạo về IFRS và VFRS một cách hệ thống và bài bản, nhằm đào tạo nguồn nhân lực có đủ những kỹ năng và trình độ đáp ứng nhu cầu nhân sự hiểu biết về các chuẩn mực trên tại các DN.

### **5. Kết luận**

Việc nhanh chóng triển khai vận dụng IFRS là thật sự cần thiết cho lợi ích của các DN Việt Nam nói riêng và cho cả nền kinh tế nói chung. Mỗi DN cần chủ động tìm hiểu để nắm bắt rõ những vấn đề phát sinh liên quan đến cách thức mà DN sẽ vận dụng IFRS, từ đó chủ động triển khai thuận lợi và hiệu quả.

---

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asean Briefing, 2016, *Tổng quan về áp dụng IFRS ở Asean*.
2. Bộ Tài chính, 2020, *Quyết định 345/QĐ-BTC: Phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam*.
3. Deloitte Việt Nam, 2020, *Báo cáo kết quả khảo sát mức độ sẵn sàng áp dụng IFRS của doanh nghiệp tại Việt Nam*.
4. ThS. Trần Thị Yến, 2017, *Cách thức vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và hướng đi của Việt Nam*.